

CUỘC KHỦNG HOẢNG SÂU RỘNG ĐẾN ĐÂU?

Khủng hoảng không thể xảy ra ngày mai, vì lịch của tôi đã kín hết rồi!

Henry Kissinger

Cho vay bất động sản dưới chuẩn (subprime loans) không phải là thị trường quan trọng nhất của các ngân hàng ở Mỹ, nó chỉ là một số tiền khá « khiêm tốn »: 2.300 tỷ USD, chiếm khoảng 20% tổng số tín dụng bất động sản, và chỉ bằng 3,8% tổng số tài sản do các hộ gia đình Mỹ nắm giữ (60.000 tỷ USD). Thế mà khi khủng hoảng xảy ra, nó đã gây ra: tổng tổn thất về sản lượng của cả thế giới từ 2008 đến 2015 có thể lên đến 47.000 tỷ USD, nghĩa là gấp 20 lần tín dụng bất động sản dưới chuẩn; chỉ tính cho năm 2008 thì giá trị các sản phẩm tài chính giảm sút là 50.000 tỷ USD, bằng với tổng sản lượng thế giới trong một năm¹.

Tuy nhiên, những con số ước tính tổn thất ấy không đồng nghĩa với việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng. Hiện nay, hầu các cơ quan, tổ chức, chuyên gia cá nhân đều đồng ý với nhau rằng đây là một cuộc khủng hoảng lớn, nhưng họ chưa có sự đồng thuận về mức độ nghiêm trọng của nó. Vậy cuộc khủng hoảng sâu rộng đến đâu? Câu hỏi này thoát nghe có vẻ đơn giản nhưng lại quan trọng và thú vị. Quan trọng vì nó thúc đẩy chúng ta đi tìm cái nhìn toàn diện về mức độ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng. Và thú vị vì chính từ đó nó sẽ mang lại cho chúng ta ý thức về những thay đổi trong tương lai. Nói một cách cụ thể hơn, nếu đây chỉ là một cuộc khủng hoảng nặng nề hơn các cuộc khủng hoảng đã đi qua, như đối với một số tổ chức và chuyên gia đánh giá, thì nền kinh tế các nước sẽ hồi phục khá nhanh chóng sau cú sốc, và hệ thống sẽ « chạy » lại bình

thường, đầu vào đầy. Còn ngược lại, nếu nó là một cuộc khủng hoảng nặng nề không kém cuộc khủng hoảng 1929 như một số chuyên gia khác đã nhận định, thì viễn cảnh các nước gánh chịu hậu quả trực tiếp đi vào Đại suy thoái, một ván bài mới, một New Deal mới² trên thế giới là điều có thể xảy ra. Bài viết này tổng quát lại mức nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng 2007 – 2008 qua hai góc nhìn: chiều sâu và chiều rộng. Từ đó chúng tôi đặt lại vấn đề ước tính và khó khăn trong việc nhận dạng thực sự mức độ sâu-rộng của nó.

1. Chiều sâu cuộc khủng hoảng: mức ảnh hưởng vẫn còn đang chờ được ước tính.

Những con số về tổn thất giúp cho chúng ta hình dung được « đại khái » tính nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng, nhưng để đánh giá đúng mức độ ảnh hưởng của nó sâu đến đâu thì không dễ dàng. Từ mối quan hệ thị trường tài chính và kinh tế thực, chúng ta sẽ đi tìm lại những con số cũng như các vấn đề cảm nhận và đánh giá chúng.

1.1. Những gì đã được thông hiểu: mối quan hệ tương quan chòng chéo giữa tài chính và sản xuất thực.

Kinh tế học nói chung phân biệt 2 bán cầu: một bên tiền tệ, mà ngày nay người ta thường

¹ Theo Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (Asian Development Bank, ADB):

<http://www.adb.org/Economic-Crisis/Crisis-Impact-Financial.asp>

² Xem Võ Tất Thắng trong số này: “Thế giới sẽ ra sao sau cuộc khủng hoảng?”

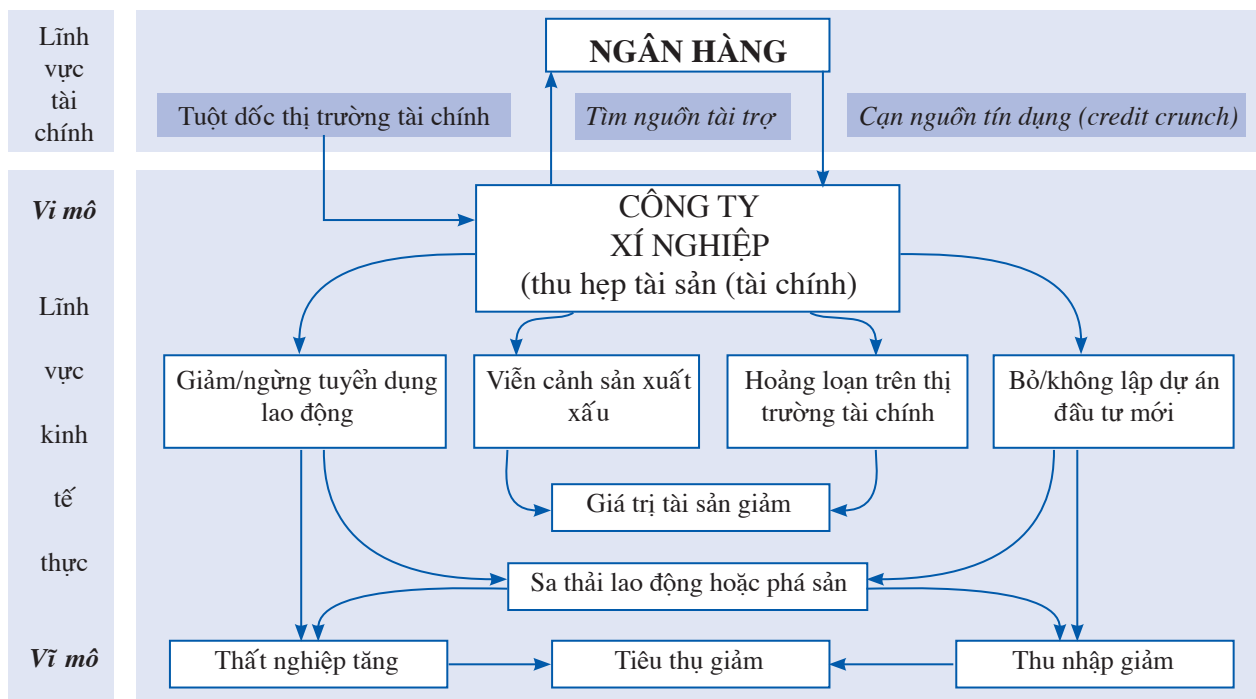
cho nó gắn gũi với tài chính, và một bên là kinh tế thực. Sự phân chia này là do ảnh hưởng của phân tích tân cổ điển (neoclassic) cho rằng về dài hạn tiền tệ không có vai trò gì trong sản xuất³. Trên thực tế, sản xuất hàng hóa và tài chính là hai hoạt động kinh tế tách rời nhưng liên hệ chặt chẽ với nhau. Hai hoạt động này luôn cần nhau: lĩnh vực tài chính ngân hàng cung cấp vốn cho công ty, xí nghiệp để sản xuất hàng hóa. Ngược lại sự tăng trưởng kinh tế thực (tăng trưởng sản lượng hàng hóa), tạo ra của cải, sự giàu có cho xã hội, sẽ đồng thời mang lại nguồn vốn mới cho ngân hàng. Hai lĩnh vực này tự nó đều có thể có khủng hoảng riêng (tăng trưởng hoặc suy thoái kinh tế khi nói về sản xuất; và thua lỗ đầu tư chứng khoán, tiền tệ, bong bóng khi nói về tài chính). Tuy nhiên, chúng sẽ « lây » nhau mỗi khi sức khỏe một trong hai không tốt kéo dài.

Mối quan hệ tài chính – sản xuất không chỉ dừng lại ở mức độ tổng quát trên, mà còn

có thể được nhìn dưới góc độ chi tiết hơn là tín dụng – đầu tư – sản xuất – tiêu thụ – tiết kiệm. Lĩnh vực tài chính không những cung cấp vốn cho xí nghiệp đầu tư, sản xuất, mà còn cho người tiêu thụ để góp phần kích cầu. Người tiêu thụ, cũng chính là người lao động, sau khi chi tiêu từ tiền lương và vay mượn, vẫn còn có thể tiết kiệm, góp thêm nguồn vốn cho ngân hàng.

Trong chuỗi các tác động trên, sự tuột dốc của thị trường tài chính sẽ dẫn truyền trực tiếp sang nền kinh tế thực thông qua trung tâm của nền sản xuất là công ty, xí nghiệp. Công ty, xí nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp từ hai yếu tố: *i.* tình trạng sức khỏe của thị trường tài chính: sản phẩm tài chính mất giá làm cho giá trị tài sản của doanh nghiệp giảm (không những chính cổ phiếu của họ giảm mà vì họ cũng chính là nhà đầu tư vào các sản phẩm tài chính), và *ii.* giảm cơ hội vay mượn để sản xuất vì ngân hàng (thuộc thị trường tài chính)

Sơ đồ 1. Từ khủng hoảng tài chính đến suy thoái kinh tế.



Nguồn: theo Le Monde, tờ báo hàng ngày của Pháp : www.lemonde.fr

³ Con người không bị ảo giác về tiền tệ, và do đó việc chính phủ in thêm tiền không mang lợi ích gì cho sản xuất mà chỉ gây ra lạm phát (thuyết số lượng tiền tệ của Milton Friedman).

khi gặp khó khăn sẽ hạn chế hoặc ngưng cung cấp vốn (credit crunch).

Như vậy, đánh thẳng vào trung tâm sản xuất, sự ảnh hưởng ban đầu ở cấp vi mô sẽ lây lan thành vấn đề vĩ mô: khi tài sản doanh nghiệp giảm sút và nguồn vốn sản xuất cạn kiệt thì họ sẽ dự tính cho viễn cảnh xấu, sẽ co cụm sản xuất (hoãn hoặc bỏ các dự án đầu tư), sa thải lao động. Ảnh hưởng sẽ tiếp tục đưa nền kinh tế tuột dốc tiếp với những hệ quả xấu: về phía cầu, do thất nghiệp tăng, thu nhập giảm, tiêu thụ hàng hóa sẽ giảm. Thêm vào đó, việc tiêu thụ nguyên vật liệu cũng giảm vì doanh nghiệp giảm sản xuất. Hậu quả kinh tế cuối cùng là suy thoái. Toàn bộ tác động qua lại này có thể mô tả như ở sơ đồ hình 1.

1.2. Những khó khăn trong đánh giá.

Mối quan hệ giữa hai lĩnh vực tài chính và sản xuất thực cho chúng ta cái nhìn tổng quát để dựa vào đó ước lượng mức ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính đến nền kinh tế thực. Tuy nhiên, nếu mối quan hệ cơ bản trên càng đơn giản bao nhiêu thì việc ước lượng chính xác mức độ ảnh hưởng càng phức tạp bấy nhiêu. Ở đây chúng ta gặp phải vài vấn đề căn bản:

- *Yếu kém thông tin:*

Thông tin ở thời đại ngày nay rất dồi dào, nhưng thông tin chính xác để có thể đánh giá đúng mức cụ thể chiều sâu cuộc khủng hoảng thì lại thiếu. Yếu kém thông tin có nhiều lý do, nhưng đối với vấn đề chúng ta đang trải nghiệm thì có thể có hai lý do chính.

Thứ nhất là thiếu minh bạch. Ví dụ đơn giản nhất là thông tin về con số thua lỗ thật của ngân hàng trong đầu tư tài chính vừa qua. Con số này cho đến nay các cơ quan chức năng vẫn chưa biết hết. Chưa biết hết vì cho đến thời điểm cuối năm 2008, các ngân hàng vẫn còn

từ chối không công bố con số thực. Hơn nữa, chưa biết hết là vì con số thực còn thay đổi tùy theo giá trị cổ phiếu trên thị trường. Nhiều nhà kinh tế phải lên tiếng đề nghị thành lập một tổ chức quốc tế giám sát tài khoản và đánh giá trung thực con số tài sản bị “ngộ độc” của ngân hàng. Đầu năm 2009, các định chế tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, v.v...) buộc phải công bố tài sản bị “ngộ độc” của mình mỗi ba tháng. Kết quả là IMF đã phải thay đổi nhiều lần ước tính của mình về tổng mức thua lỗ của họ: ngày 30/8/2008 số tiền thua lỗ được công bố là 945 tỷ USD, tháng 1/2009 ước tính lại là 2.200 tỷ USD, ngày 21/4/2009, ước tính lại nữa là 4000 tỷ USD. Tương tự, về ước tính và dự đoán tổng sản lượng quốc gia (GDP), IMF cũng đã phải xem lại nhiều lần. Vào tháng 10/2008 tổ chức này dự báo kinh tế Mỹ và châu Âu tăng trưởng trong năm 2008 dương dù khá yếu (1,1%), còn năm 2009 tăng trưởng âm (-0,5%). Đến tháng 4/2009 thì IMF công bố lại, hạ mức tăng trưởng ước tính của Mỹ 2009 xuống còn -2.8%.

Lý do thứ hai là tồn tại những yếu tố khó đo lường được. Ví dụ, mức tiêu thụ của người dân, hoặc giá trị các tài sản tài chính vì sự lên xuống đột biến và thất thường trong thời kỳ khủng hoảng. Nhìn chung các tổ chức khá thành công trong dự báo về sản xuất công nghiệp vì họ dựa vào một thông tin khá cụ thể là đơn đặt hàng tại các công ty, đơn vị sản xuất⁴. Tuy nhiên về dịch vụ (cũng nằm trong tổng sản lượng quốc gia) lại rất khó dự đoán vì nhiều hoạt động dịch vụ không có đơn đặt hàng. Ngoài ra, vấn đề hành vi người tiêu dùng trong thời kỳ khủng hoảng cũng khó nhìn thấy một cách chính xác. Tâm lý trong tiêu dùng và đầu tư chiếm phần quan trọng trong kết quả dự báo, mà yếu tố này lại khó đo lường và dự đoán được. Người tiêu dùng và doanh nghiệp sẽ không tiêu thụ và đầu tư hàng loạt, mạnh mẽ khi họ còn thấy tương lai bất định. Đó là một trong những lý do quan trọng làm cho dự báo về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng trên GDP không chính xác O. Blanchard (2008).

⁴ Nhiều tổ chức gửi câu hỏi cho doanh nghiệp trung bình cứ mỗi ba tháng, hoặc mỗi tháng.

- *Vấn đề định mức chiều sâu: cần một định nghĩa và thước đo chiều sâu.*

Tác động mà chúng ta vừa phân tích trên chỉ cho chúng ta cái nhìn tổng thể và cơ cấu về mức độ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đến nền kinh tế thực. Nhưng ảnh hưởng sâu là thế nào? Chúng ta có thể cho rằng ảnh hưởng sâu là ảnh hưởng gây tác động đến mức độ vận hành của một nền kinh tế. Vậy cụ thể trong trường hợp này: cuộc khủng hoảng 2007 – 2008 có làm đổ vỡ cả hệ thống tài chính? Nó có làm hệ thống tư bản tài chính đang phát triển như ngày hôm nay bị biến dạng? Câu hỏi này đặt ra cho chúng ta một vấn đề mới: làm thế nào để đo lường mức độ của nó sâu đến đâu? Để đo lường được chiều sâu, người ta cần phải đưa ra bậc thang định vị của hệ thống tài chính ngày nay, hầu xem cuộc khủng hoảng này đang chạm đến mức thang nào của hệ thống. Theo hiểu biết của chúng tôi, dường như hiện nay giới học thuật vẫn chưa quan tâm đến câu hỏi này. Phân tích hiện thời đa phần đang chú tâm vào việc giải thích cuộc khủng hoảng, đánh giá ảnh hưởng của nó trên nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội, nhưng chưa đặt ra mức thang về chiều sâu hoặc tính nghiêm trọng của nó.

Chính vì không có thước đo định mức chiều sâu nên những con số mà chúng ta có được ngày nay mang lại nhiều diễn giải khác nhau về tính nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng. Hãy thử lấy ví dụ vài con số về tỷ lệ thất nghiệp. Đa số các nhà kinh tế đều cho rằng chất lượng cuộc sống của người dân chính là thước đo thiết thực nhất mức độ ảnh hưởng của một cuộc khủng hoảng, và nó thể hiện trực tiếp nhất qua tình trạng thất nghiệp. Số liệu thống kê đầu ít nhiều có khác biệt tùy theo tổ chức đánh giá, nhưng nhìn chung chúng phản ánh khá đồng dạng tỷ lệ thất nghiệp gia tăng trên hầu hết các nước công nghiệp phát triển. Tại Hoa Kỳ 1,9 triệu người mất việc năm 2008, đưa tỷ lệ thất nghiệp lên đến 6,7%, tương ứng với con số 10,3 triệu người không có việc làm. Theo New York Times, vấn đề không chỉ nằm ở tỷ lệ thất nghiệp hoàn toàn,

mà còn ở chỗ « thất nghiệp bán thời gian »: số người buộc phải làm việc bán thời gian lên đến 12,5%. Fitch Rating (2009) dự đoán tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ năm 2009 lên đến 8,3%, RGE cập nhật vào tháng 5/2009 là 8,9%, với tổng số người đã bị mất việc từ khi khủng hoảng bắt đầu là 5,9 triệu, trong đó chỉ tính riêng từ đầu 2009 là 2,6 triệu. Tình trạng thất nghiệp ở châu Âu cũng không kém phần âm ảm: Ủy Ban châu Âu (European Commission) đánh giá tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực đồng tiền chung châu Âu này ngày càng tăng, từ 8,5% từ tháng 2/2008 đến 9,25% năm 2/2009. Con số này không thực sự phản ánh được chiều sâu cuộc khủng hoảng. Vì nếu so với cuộc khủng hoảng 1929, thì từ 1929 đến 1932, chỉ trong vòng 3 năm, sản lượng công nghiệp của Mỹ giảm chỉ còn một nửa, đưa tỷ lệ thất nghiệp từ 3,1% lên đến 24%. Vậy nếu chỉ nhìn về con số, so với Đại Suy Thoái 1929-1933 thì cuộc khủng hoảng tài chính hôm nay vẫn còn tương đối nhẹ (?). Tuy nhiên con đường còn ở phía trước. Trong cuộc khủng hoảng 1929, khi tổng thống Mỹ Hoover tuyên bố vào năm 1930 là khủng hoảng đã tới đáy, tình trạng xấu nhất đã qua đi, thì cho đến hai năm sau 770 ngân hàng vẫn tiếp tục phá sản.

Cũng vì không thể thiết lập chuẩn mực đo lường chính xác về chiều sâu nên cũng có nhiều ý kiến trái ngược nhau về chiều dài cuộc khủng hoảng. Nếu lấy mốc tháng 8/2007 (thời điểm phá sản của các tổ chức tín dụng lớn của Mỹ) là bắt đầu cuộc khủng hoảng, thì đến nay (tháng 5/2009), gần hai năm trôi qua, các tổ chức quốc tế vẫn còn đang xem lại các đánh giá mức ảnh hưởng của họ. Hiện nay giới học giả chia làm hai hướng. Một bên xem cuộc khủng hoảng này chỉ là một trong những cuộc khủng hoảng đã từng xảy ra, chỉ khác là mức độ của nó nghiêm trọng hơn. Vì vậy nhóm này tin rằng kinh tế sẽ được vực dậy từ cuối 2009. Nhóm thứ hai nhìn cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn. Nhóm này đa phần là những chuyên gia đã có cái nhìn hoài nghi về cách vận hành của hệ thống ngay từ trước khi khủng hoảng

xảy ra. Họ cũng chính là những cá nhân hoặc tổ chức đã lên tiếng cảnh báo khủng hoảng. Đối với Nouriel Roubini⁵ thì phải chờ ít nhất 24 tháng. Nếu kinh tế có quân bình trở lại vào 2010 thì tăng trưởng vẫn sẽ rất yếu, chỉ khoảng 1%. Tóm lại ông tin rằng có khả năng kinh tế sẽ rơi vào tình trạng tăng trưởng hình chữ L, nghĩa là nền kinh tế sẽ có một thời gian dài không tăng trưởng, thay vì thoát ra khỏi khủng hoảng với một mức độ tăng trưởng nhanh chóng, bắt kịp mức độ giàu có trước khủng hoảng theo hình dạng chữ U hoặc chữ V. Paul Krugman, Nobel kinh tế 2008, tại hội nghị của University of Cincinnati ngày 24/04/2009 vừa qua, khi được hỏi “bao giờ cuộc khủng hoảng này chấm dứt” đã trả lời: “Tôi không chắc làm thế nào cuộc khủng hoảng này chấm dứt. Và tôi cũng không nghĩ rằng tôi có được câu trả lời bao giờ nó chấm dứt!”.

GlobalEuropeAnticipationBulletinGEAB còn có cái nhìn nghiêm trọng hơn. Họ là tổ chức đầu tiên đưa ra cụm từ “khủng hoảng hệ thống toàn cầu” (global systemic crisis). Tổ chức này không đưa ra thước đo chiều sâu, nhưng cho rằng cuộc khủng hoảng này còn sâu hơn và dài hơn khủng hoảng 1929. Cụ thể, ở những nước không phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế Mỹ thì có thể bắt đầu thoát khỏi khủng hoảng vào cuối 2010; tuy nhiên khủng hoảng sẽ còn ảnh hưởng lâu dài tại Mỹ và Anh đến cả một thập kỷ, và các nền kinh tế này sẽ không tăng trưởng trở lại trước 2018. Lý do chính làm các chuyên gia không có viễn tượng sáng sủa cho tương lai gần là vì họ nhìn thấy trong cuộc khủng hoảng này mức độ nghiêm trọng mang tính hệ thống; nó sẽ đặt lại vấn đề mô hình phát triển của các nước phát triển, và Mỹ sẽ không còn là trung tâm tiêu thụ hàng đầu của thế giới vì hệ thống ngân hàng của nó không còn hoạt động trong điều kiện dễ dàng như thời gian qua nữa.

2. Rộng: cuộc khủng hoảng lan đến đâu trên thế giới?

Cũng giống như vấn đề thước đo chiều sâu, cho đến nay việc đánh giá ảnh hưởng lan truyền khủng hoảng đến đâu chỉ là một ước lượng “bề nổi” hoặc “bề mặt”. Tuy nhiên, để đánh giá thực mức nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng đã lan rộng đến đâu thì chúng tôi nghĩ nên phân biệt ảnh hưởng bề mặt và ảnh hưởng “*bên trong*” – tạm gọi là “*lan sâu*” – trên các nước đang phát triển.

2.1. Lan truyền từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển: Ảnh hưởng “bề mặt”.

Chúng tôi gọi ảnh hưởng “bề mặt” là ảnh hưởng trên mức độ phát triển và mức sống dân cư, dễ dàng nhận thấy qua con số tổng sản lượng quốc gia, và việc làm. Sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế tại Hoa Kỳ và châu Âu trên thế giới về mặt lý thuyết không phức tạp. Người ta có thể nhìn thấy tức thì qua các kênh dẫn chính: thương mại quốc tế, đầu tư nước ngoài, nguồn viện trợ phát triển chính thức ODA (Official Development Assistance).

Ba nguồn phát triển chính này đều đang giảm. Theo số liệu của OECD, xuất khẩu từ các nước công nghiệp phát triển (châu Âu và Mỹ) đã bắt đầu trì trệ từ đầu năm 2007, và giảm mạnh từ quý 2 năm 2008. Nhập khẩu cũng chung một khuynh hướng. Nhập khẩu của các nước giàu giảm liên tục từ cuối năm 2007, cứ mỗi quý giảm trung bình 1.5% so với quý trước. Và thời điểm cuối 2008 cũng là lúc nhập khẩu tuột dốc mạnh nhất, bình quân hơn 6% trung bình từ các nước phát triển (bảng 1).

Tiếp theo ngoại thương là nguồn vốn từ nước ngoài, trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức. Cụ thể, mức đầu tư trực tiếp nước ngoài trên toàn thế

⁵ Xem RGE - Nouriel Roubini's Global EconoMonitor: www.rgemonitor.com/

Bảng 1. Thương mại hàng hóa: tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu theo quý (%)
(phần trăm thay đổi so với quý trước)

	2006	2007				2008			
	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4
Major Seven	1.1	1.6	-0.4	1.8	-0.5	0.6	-1.5	0.0	-5.6
Canada	0.6	1.5	0.2	3.7	2.7	-1.5	-1.5	0.4	-7.2
France	1.4	0.8	1.1	2.5	-1.5	3.7	0.3	2.3	-2.6
Germany	4.2	5.7	-0.4	1.3	-1.0	4.6	-2.6	2.6	-6.1
Italy	0.7	-0.9	0.5	4.3	-4.5	-2.8	-0.3	-0.2	-8.9
Japan	0.6	-1.2	-1.2	0.1	3.0	-0.1	-0.7	-1.5	-4.6
United Kingdom	2.0	-0.7	0.2	4.8	-0.8	-0.9	-1.8	-1.2	-7.8
United States	-0.2	2.0	-1.0	0.6	-0.7	-0.5	-1.8	-1.2	-5.1
EU-15 Extra EU	3.5	1.9	-0.9	2.2	-0.7	0.9	-1.1	1.9	-7.3

Nguồn: OECD International Trade Statistics, April 30, 2009, Paris.

giới lên đến đỉnh cao năm 2007, với tổng số vốn đầu tư 1,83 ngàn tỷ USD. Năm 2008 con số này giảm sút 21% theo ước tính của United Nation Conference on Trade and Development - UNCTAD (bảng 2), IMF ước tính thấp hơn, nhưng cũng đến mức 15%.

Mức giảm FDI không đồng đều tùy theo quốc gia, do đầu tư đã cam kết còn thực hiện được. Tuy nhiên UNCTAD và nhiều tổ chức khác cũng dự báo rằng sự sụt giảm FDI sẽ lan rộng hơn trong năm 2009.

Cuối cùng là nguồn vốn đến từ viện trợ phát triển chính thức ODA, nguồn vốn này cũng sẽ giảm mạnh vì khủng hoảng. Hiện nay các tổ chức quốc tế chưa tính chính xác được mức giảm là bao nhiêu. Nhưng UNCTAD (2009) làm một cuộc khảo sát mối quan hệ giữa khủng hoảng tài chính và ODA trong chuỗi thời gian dài hơn 30 năm, từ 1970 đến 2002. Kết quả cho thấy là trung bình khủng hoảng tài chính làm giảm đi ODA trong ngay chính năm khủng hoảng chỉ 1%, đến năm thứ hai là 4% nhưng đến năm thứ năm thì giảm đến 30% (con số này

Bảng 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các vùng (tỷ dollar)

	2007	2008 (ước tính)	tăng trưởng (%)
Thế giới	1833.3	1449.1	-21
Châu Âu	1247	840	-32.7
Châu Phi	53	61.9	16.8
Latin America và Caribbean	126.3	142.3	12.7
Nam và Đông Nam Á, trong đó	247	256	3.3
<i>Trung Hoa</i>	83.5	92.4	10.6
<i>HongKong</i>	59.9	60.7	1.3
<i>India</i>	23	36.7	59.9
<i>Malaysia</i>	8.4	12.9	53.4
<i>Singapore</i>	24.1	10.3	-57.2
<i>Thailand</i>	9.6	9.2	-4.4

Nguồn: UNCTAD, 2009.

lên tới 40% theo UNDP). Tổng số ODA trên thế giới có được trong năm 2007 là 117,576 triệu USD, trong đó Cộng Đồng Chung Châu Âu (27 nước) đứng đầu với hơn 50%, nước tài trợ lớn thứ hai là Mỹ (chiếm khoảng 21,751 triệu USD). Nếu cuộc khủng hoảng này làm giảm sút đi 40% thì sẽ gây tổn thất không ít cho các nước đang phát triển⁶ - những nước nhận tài trợ.

Sự giảm sút hoạt động kinh tế qua ngoại thương và qua các nguồn vốn nước ngoài đã làm cho mức tăng trưởng trên thế giới trì trệ. Ảnh hưởng này không đồng đều theo khu vực. Các nước công nghiệp mới phát triển Á châu (NIEs) chịu hậu quả nặng nhất vì vừa có những trung tâm tài chính hoạt động liên kết trực tiếp đến thị trường tài chính thế giới (đặc biệt là Singapore, HongKong), vừa xuất khẩu chủ yếu các mặt hàng lâu bền, mà đó là các mặt hàng tiêu thụ bị giảm mạnh nhất. Trong khi đó các nước đang phát triển (châu Á) chỉ bị tăng trưởng chậm lại theo ước tính của IMF (họ xuất khẩu các mặt hàng rẻ tiền hơn, ít bị ảnh hưởng hơn).

Vậy nếu theo ước tính này thì cuộc khủng hoảng 2007 - 2008 cũng có khả năng nhanh chóng đi qua, vì sức lan tỏa của nó chưa hoàn toàn mãnh liệt (?), nghĩa là dù có ảnh hưởng, nó cũng vẫn còn “chừa lại” hay chỉ “chùng mực” đối với một số nước. Tuy nhiên, con số này cũng chưa hoàn toàn phản ánh hết mức độ nghiêm trọng của ảnh hưởng lên các nước đang phát triển. Vì nhiều quốc gia đều có được tăng trưởng dương, nhưng mức tăng trưởng (dương) ấy giảm cũng sẽ gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến tình trạng kinh tế-xã hội. Nhất là trường hợp của các nước đang lên và kém phát triển: các nước này bị áp lực nặng nề hơn về mức độ tăng trưởng, tăng trưởng phải luôn được duy trì liên tục để cung cấp đủ việc làm cho lao động trẻ trong nước⁷.

Tuy nhiên, nếu xét về mức sống của người dân, thì con số mang tính nghiêm trọng hơn. Tổ Chức Lao Động Quốc Tế đánh giá rằng người lao động là thành phần thiệt thòi nhất của xã hội: cùng với mức lương và thù lao sẽ giảm, năm 2009 còn có khoảng 50 triệu việc làm sẽ mất đi. UNCTAD cũng cho rằng các nước

Bảng 3. Tăng trưởng sản lượng quốc gia thực 2007 – 2010 (% hàng năm)

	2007	2008	2009	2010
Mỹ	2	1.1	-2.8	0
Vùng Euro	2.7	0.9	-4.2	0
Emerging Asia, of which:	9.8	6.8	3.3	5.3
China	13	9	6.5	7.5
NIEs(a)	5.7	1.5	-5.6	0.8
Việt Nam	8.5	6.2	3.3	4
Middle East Oil Exporters	6.2	5.6	2.2	3.7
Middle East Mashreq	6.7	6.9	3.4	3.1
Commonwealth of Independent States (b)	8.6	5.5	-5.1	1.2
Africa	6.2	5.2	2	3.9
South America and Mexico ©	5.7	4.2	-1.6	1.6

Nguồn: World Economic Outlook, IMF, tháng 4/2009

(a) Gồm: Korea, Taiwan, HongKong SAR, Singapore; (b) Số liệu gồm: Russia, Ukraine, Kazakhstan, Belarus, Turkmenistan. Azerbaijan;

© Gồm: Argentina, Brazil, Chile, Colombia, Ecuador, Mexico, Peru, Uruguay, Venezuela

⁶ Xem thêm IRIN trên <http://www.irinnews.org/>

⁷ Xem thêm phân tích đánh giá của Ngân Hàng Thế Giới về châu Phi trên www.worldbank.org/

nghèo chính là nơi bị cuộc khủng hoảng ảnh hưởng, dấu không trực tiếp nhưng trầm trọng nhất. Châu Phi là một điển hình: Ngân Hàng Thế Giới ước tính rằng cuộc khủng hoảng hiện thời đã trực tiếp gây ra thêm 700.000 trẻ em chết trước 1 năm tuổi, trong đó đa phần là bé gái. Cuộc khủng hoảng này cũng làm bất bình đẳng giới tính – một thảm họa mà các tổ chức quốc tế và phi chính phủ đang đấu tranh để đẩy lùi – ngày càng trầm trọng hơn. Sự bất bình đẳng này đến từ việc các công ty sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là hoa, đóng cửa và sa thải công nhân, mà đa số công nhân nơi đây là nữ.

2.2. Ảnh hưởng “lan sâu”: ảnh hưởng đến mô hình phát triển.

Nếu cuộc khủng hoảng 2008 là một cuộc khủng hoảng sâu sắc, ảnh hưởng đến cách vận hành của cả một hệ thống, thì nó sẽ không chỉ ảnh hưởng đến các nước (đang phát triển) trên mức độ tăng trưởng mà còn có thể làm cho các nước này đặt lại vấn đề về mô hình phát triển của họ. Hiện nay khuynh hướng toàn cầu hóa đã đặt cho mô hình tăng trưởng nhờ xuất khẩu (export-led growth) và đầu tư nước ngoài giá trị cao, được các tổ chức quốc tế đánh giá là hiệu quả hơn hết so với các mô hình phát triển khác.

Để hiểu điều này chúng ta có thể so sánh thập niên 50, 60, 70, khi châu Mỹ Latin muốn phát triển dựa trên sức mạnh nội địa, đã thiết lập mô hình công nghiệp hóa bằng thay thế nhập khẩu (Industrialization by Import Substitution)⁸. Chính sách bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ bằng thiết lập hạn ngạch (quota) nhập khẩu, đánh thuế cao các mặt hàng nhập khẩu, thành lập các công ty lớn được chính phủ bảo trợ đã dẫn đến tình trạng khủng hoảng: nợ nước ngoài chồng chất (đất nước sản xuất ra sản phẩm kém chất lượng vì thiếu cạnh tranh, do đó không xuất khẩu được, không có đủ ngoại tệ để chi trả cho nhập khẩu máy móc cần thiết để duy trì sản xuất trong giai đoạn đầu khi các quốc gia này chưa tự chế

tạo được); thất nghiệp tràn lan vì công nghiệp hóa đã chú trọng vào sản xuất những mặt hàng công nghiệp sử dụng máy móc, công nghiệp cao, không dùng nhiều lao động.

Cùng lúc đó, các nước sử dụng mô hình export-led-growth, điển hình là các nước mới công nghiệp hóa NIEs (New Industrialization Economies) – HongKong, Taiwan, Korea, Singapore – có sự tăng trưởng cao, nền kinh tế thoát khỏi tụt hậu⁹. Ngoài ra còn có mô hình hướng ngoại xa hơn gọi là “tăng trưởng nhờ xuất khẩu và kêu gọi đầu tư nước ngoài” cũng đã mang lại tăng trưởng cao cho một số nước như Trung Hoa, Việt Nam, góp phần giải quyết nạn nghèo đói. Mặc dù các nước trên không hoàn toàn áp dụng mô hình “export-led growth” (Việt Nam áp dụng chính sách bảo hộ song song với khuyến khích xuất khẩu, các NIES cũng bảo hộ ngành công nghiệp non trẻ của họ trước khi áp dụng chính sách khuyến khích xuất khẩu), nhưng trên diễn đàn thế giới, “tăng trưởng hướng ngoại” vẫn được xem là mẫu mực. Từ đó “tăng trưởng hướng ngoại” được xem là mẫu mực. Trong hơn hai thập niên vừa qua, đường hướng chủ đạo từ các tổ chức quốc tế, chủ yếu là Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) và Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) là “tăng trưởng nhờ xuất khẩu”. Do đó dù thị trường xuất khẩu giảm mạnh trong thời kỳ khủng hoảng và nếu các nước có quay về với thị trường nội địa, thì sự quay lại đó hẳn phải mang tính chất khác với chính sách công nghiệp hóa bằng thay thế nhập khẩu của châu Mỹ Latin ở thập niên 50, 60, 70.

Thực vậy, phát triển dựa trên thị trường nội địa không phải chỉ đơn thuần là việc sản xuất nhắm vào thị trường nội địa, mà là vấn đề mô hình phát triển xã hội. Nó đặt lại nguồn gốc cơ bản là công dân trong nước phải có sức mua cao, và không phải chỉ một tầng lớp nhỏ bé mà là một tầng lớp trung lưu lớn mạnh, có sức mua cao. Điều đó cũng có nghĩa là cần một mô

⁸ Xem HIRSCHMAN (1968) về chính sách công nghiệp hóa bằng thay thế nhập khẩu tại châu Mỹ Latin.

⁹ Xem thêm phân tích của WORLD BANK (1993).

hình phát triển mà chính phủ tham gia đúng chỗ, đúng “*liều lượng*”. Đó là mô hình kinh tế xã hội mà châu Âu đã theo đuổi từ sau Đệ Nhị Thế Chiến đến cuối thập niên 1970¹⁰.

Khủng hoảng tài chính, ngoài việc giảm cầu vì thu nhập giảm còn dẫn đến hai hậu quả về chính sách trước mắt làm thị trường xuất khẩu thu hẹp là (1) giảm đầu tư trực tiếp nước ngoài và (2) tăng bảo hộ tại các nước phát triển. Tuy nhiên hệ quả này kéo dài lâu hay mau, có làm cho các nước đang phát triển (và phát triển) thay đổi mô hình tăng trưởng hay không còn tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng rộng về “mặt trong” của hệ thống. Và chính nó lại bị ảnh hưởng trực tiếp về chiều sâu ở chính các nước gây ra khủng hoảng trực tiếp, tức Mỹ và kể đến là châu Âu, mà chiều sâu ấy hiện nay, như đã bàn ở trên: khó xác định được.

* * *

Cuộc khủng hoảng 2007 – 2008, là một cuộc khủng hoảng lớn nhất từ 1929 đến nay. Đây là một thực tế không ai tranh cãi. Tuy nhiên để đánh giá đích thực cuộc khủng hoảng này sâu rộng đến đâu thì mỗi cơ quan, mỗi trường phái, mỗi chuyên gia theo từng cá nhân nhìn nhận nó khác nhau. Đặt ra vấn đề chiều

sâu cuộc khủng hoảng và mức “lan sâu” của nó đã cho chúng ta nhận thức về những khó khăn trong đánh giá vấn đề: nó đòi hỏi một công trình nghiên cứu toàn diện, đa ngành, tập hợp và đánh giá nhiều mặt, trong đó có cả môi trường, xã hội, chính trị địa lý chứ không chỉ là kinh tế, tài chính. Ở đây, tại thời điểm này, công việc của chúng tôi làm là đặt vấn đề, trong thời gian gần sắp tới chắc chắn các nhóm chuyên gia, các tổ chức trên thế giới sẽ phác họa tương lai, tùy theo mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng mà họ đánh giá. Có lẽ chúng ta sẽ chứng kiến sự thay đổi trong suy tư của giới trí thức toàn cầu: mỗi quan tâm của họ về mô hình phát triển của tương lai. Khi kinh tế học chưa ra đời, ở thế kỷ 17, 18, và đến giai đoạn khai sinh của nó, thế kỷ 19, người ta đã bàn và đưa ra rất nhiều mô hình phát triển xã hội. Từ khi mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở Đông Âu sụp đổ, cho đến nay không ai phác họa ra mô hình phát triển xã hội nào ngoài mô hình kinh tế thị trường và kinh tế hỗn hợp, trong đó (giá trị) kinh tế giữ vai trò chủ đạo. Nhưng cuộc khủng hoảng này sẽ là cơ hội để chúng ta chứng kiến một “phong trào” với hàng loạt nghiên cứu đang và sắp ra đời, bàn về mô hình và “dự án” phát triển xã hội mới.

A.B.C những vấn đề kinh tế thời đại.

Tài liệu tham khảo

- BLANCHARD, Olivier, 2008, *Cracks in the System. Repairing the damaged global economy*, Finance & Development, December.
- FITCH RATINGS, 2009, *Financial Institutions USA Special Report 2009*.
- HIRSCHMAN, Albert O., 1968, *The Political Economy of Import-Substituting Industrialization in Latin America*, Quarterly Journal of Economics, February, Vol. LXXXII, n°1, pp. 1-31.
- IMF, 2009, *World Economic Outlook Update*, April.
- UNCTAD, 2009, *Keeping ODA Afloat: no stone unturned*, UNCTAD Policy Briefs n°7, March.
- WORLD BANK, 1993, *The East Asian Miracle. Economic Growth and Public Policy*, A World Bank Policy Research Report, 389p.

¹⁰ Xem thêm Cao Xuân Dung trong số này: “Phát triển tư bản tài chính và con đường đi đến khủng hoảng”.